



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).24. 3765 3338. Fax: (+84).24.3 765 3336.

Mã số thuế: 0102314051

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số: 32/BSGHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi :

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI**
 - Mã chứng khoán: BSH
 - Địa chỉ trụ sở chính: A2- CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
 - Chức vụ: Thư ký Công ty.
 - Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin: Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2022.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Wang Thừa Đại

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Quý 1 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	0102314051	ngày 6 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số	0102314051	ngày 23 tháng 4 năm 2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 23 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lâm Du An	Chủ tịch
	Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
	Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên

Ban Kiểm soát	Bà Lê Thị Hiền	Trưởng Ban
	Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Lê Viết Quý	Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
	Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
	Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký	Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm Phường Phương Canh Quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội Việt Nam
-----------------------	--

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		311.543.857.493	281.136.926.576
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		94.456.555.807	194.117.641.058
Tiền	111		12.156.555.807	6.617.641.058
Các khoản tương đương tiền	112		82.300.000.000	187.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		124.800.000.000	24.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		124.800.000.000	24.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.644.952.847	15.862.227.714
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		26.304.773.279	14.294.197.613
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.122.046.554	965.226.046
Phải thu ngắn hạn khác	136		218.133.014	602.804.055
Hàng tồn kho	140		64.529.014.645	46.373.722.274
Hàng tồn kho	141		75.146.188.179	57.079.879.755
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.617.173.534)	(10.706.157.481)
Tài sản ngắn hạn khác	150		113.334.194	283.335.530
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		113.334.194	283.335.530
Thuế phải thu Nhà nước	153			
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		108.088.129.689	113.479.965.493
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		95.355.297.491	99.168.289.170
Tài sản cố định hữu hình	221		94.955.642.066	98.680.138.611
Nguyên giá	222		704.592.646.793	704.592.646.793
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(609.637.004.727)	(605.912.508.182)
Tài sản cố định vô hình	227		399.655.425	488.150.559
Nguyên giá	228		1.411.941.589	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.012.286.164)	(923.791.030)
Tài sản dở dang dài hạn	240			
Xây dựng cơ bản dở dang	242			
Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.300.000.000	7.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		7.300.000.000	7.300.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.422.832.198	7.001.676.323
Chi phí trả trước dài hạn	261		3.255.544.290	4.816.591.626
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.167.287.908	2.185.084.697

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	1/1/2022 VND
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		419.631.987.182	394.616.892.069
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		113.055.316.994	98.892.154.120
Nợ ngắn hạn	310		112.836.050.997	98.672.888.123
Phải trả người bán ngắn hạn	311		13.221.507.328	9.843.802.805
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.295.700.785	2.108.744.653
Thuế phải nộp Nhà nước	313		71.828.441.489	68.838.215.439
Phải trả người lao động	314		4.592.569.703	6.555.378.025
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.379.032.679	2.058.502.830
Phải trả ngắn hạn khác	319		6.090.007.636	5.416.428.430
Vay ngắn hạn	320		7.500.000.000	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.928.791.377	3.851.815.941
Nợ dài hạn	330		219.265.997	219.265.997
Dự phòng phải trả dài hạn	342		219.265.997	219.265.997
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		306.576.670.188	295.724.737.949
Vốn chủ sở hữu	410		306.576.670.188	295.724.737.949
Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.450.413.078	75.598.480.839
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>	421a		75.598.480.839	25.055.934.950
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		10.851.932.239	50.542.545.889
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		419.631.987.182	394.616.892.069

Ngày 15 tháng 04 năm 2022

Người lập



Lê Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc



Lê Viết Quý

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vào ngày 31 tháng 03 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Mẫu B 02a - DN	
			Năm nay	Quý 1	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		119.598.122.649	113.649.251.319	119.598.122.649	113.649.251.319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		119.598.122.649	113.649.251.319	119.598.122.649	113.649.251.319
4. Giá vốn hàng bán	11		101.844.995.118	106.143.734.408	101.844.995.118	106.143.734.408
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.753.127.531	7.505.516.911	17.753.127.531	7.505.516.911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		887.128.248	1.332.902.995	887.128.248	1.332.902.995
7. Chi phí tài chính	22		68.637.467	371.632.198	68.637.467	371.632.198
8. Chi phí bán hàng	25		482.221.855	773.190.283	482.221.855	773.190.283
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.617.193.399	4.243.617.471	3.617.193.399	4.243.617.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.472.203.058	3.449.979.954	14.472.203.058	3.449.979.954
11. Thu nhập khác	31		474.984.375	1.899.874.013	474.984.375	1.899.874.013
12. Chi phí khác	32		246.915.110	246.915.110	246.915.110	246.915.110
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		474.984.375	1.652.958.903	474.984.375	1.652.958.903
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.947.187.433	5.102.938.857	14.947.187.433	5.102.938.857
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.976.376.298	1.605.358.082	2.976.376.298	1.605.358.082
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		17.796.789	61.418.433	17.796.789	61.418.433
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.953.014.346	3.436.162.342	11.953.014.346	3.436.162.342

Ngày 15 tháng 04 năm 2022



Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Người lập

(Handwritten signature)

Lê Thị Ngọc Hà

GIÁM ĐỐC
Lê Việt Quý

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 (Phương pháp
gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	14.947.187.433	5.102.938.857
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	3.812.991.679	9.272.279.498
Các khoản dự phòng	03	(88.983.947)	(307.092.167)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(874.954.509)	(1.331.084.917)
Chi phí lãi vay	06	61.280.822	400.454.642
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	17.857.521.478	13.137.495.913
Biến động các khoản phải thu	09	(11.782.725.133)	(5.203.905.188)
Biến động hàng tồn kho	10	(18.066.308.424)	2.504.041.349
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	5.290.800.529	(12.749.157.027)
Biến động chi phí trả trước	12	1.731.048.672	1.306.792.824
		(4.969.662.878)	(1.004.732.129)
Tiền lãi vay đã trả	14	(61.280.822)	(400.454.642)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.705.096.060)	(99.582.879)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.736.039.760)	(1.504.769.650)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	-	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(100.300.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	874.954.509	1.520.987.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(99.425.045.491)	(8.479.012.346)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	51.500.000.000	161.805.031.452
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(44.000.000.000)	(191.851.779.764)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(9.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7.500.000.000	(39.046.748.312)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(99.661.085.251)	(49.030.530.308)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	194.117.641.058	216.909.989.474
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	94.456.555.807	167.879.459.166

Ngày 15 tháng 04 năm 2022

Người lập



Lê Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

12/03/2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	28.586.130	143.724.651
Tiền gửi ngân hàng	12.127.969.677	6.473.916.407
Các khoản tương đương tiền	82.300.000.000	187.500.000.000
	94.456.555.807	194.117.641.058

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 3,5%/năm (1/1/2021: 3,2 đến 3,5%/năm).

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/03/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	26.043.471.642	13.738.467.546
Các khách hàng khác	261.301.637	555.730.067
	26.304.773.279	14.294.197.613

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/03/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	26.043.471.642	13.738.467.546

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Hàng tồn kho

	31/03/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	31.051.155.274		19.182.132.972	
Công cụ và dụng cụ	15.256.829.045	(10.617.173.534)	15.321.124.837	(10.706.157.481)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.697.420.167		15.294.498.153	
Thành phẩm	13.134.354.597		6.719.268.321	
Hàng hóa	6.429.096		6.429.096	
Hàng gửi đi bán	-		-	
Hàng đi đường	-		556.426.376	
	75.146.188.179	(10.617.173.534)	57.079.879.755	(10.706.157.481)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	03 tháng 2022 VND
Số dư đầu kỳ	10.706.157.481
Dự phòng trích lập trong năm	(88.983.947)
Số dư cuối kỳ	10.617.173.534

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	58.127.038.224	633.098.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.592.646.793
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	58.127.038.224	633.098.369.475	7.907.289.410	5.459.949.684	704.592.646.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	27.742.911.925	568.197.585.321	6.021.493.915	3.950.517.021	605.912.508.182
Khấu hao trong kỳ	634.761.975	2.746.948.705	116.826.456	225.959.409	3.724.496.545
Số dư cuối kỳ	28.377.673.900	570.944.534.026	6.138.320.371	4.176.476.430	609.637.004.727
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	30.384.126.299	64.900.784.154	1.885.795.495	1.509.432.663	98.680.138.611
Số dư cuối kỳ	29.749.364.324	62.153.835.449	1.768.969.039	1.283.473.254	94.955.642.066

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 530.719 triệu VND (1/1/2022: 530.315 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	1.411.941.589
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	
Số dư cuối kỳ	<u>1.411.942.589</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	923.791.030
Khấu hao trong kỳ	88.495.134
Số dư cuối kỳ	<u>1.012.286.164</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	488.150.559
Số dư cuối kỳ	<u>399.655.425</u>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND (1/1/2022: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.222.175.000	1.594.416.626	4.816.591.627
Tăng trong kỳ			
Phân bổ trong kỳ	1.062.600.000	498.447.336	1.561.047.337
Số dư cuối kỳ	<u>2.159.575.000</u>	<u>1.095.969.290</u>	<u>3.255.544.290</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/03/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	915.102.712	823.677.556
Công ty cổ phần Hanacans	1.504.681.472	
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long		
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Gia	1.876.505.600	
Công Ty Cổ Phần Lương Thực Hà Nam Ninh		1.922.892.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.206.280.735	1.546.159.544
Các nhà cung cấp khác	2.718.936.809	5.551.073.705
	13.221.507.328	9.843.802.805

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/03/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.206.280.735	1.546.159.544
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	33.480.000	62.403.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/03/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	58.578.901.743	120.409.894.510	118.391.859.638			60.596.936.615
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.705.096.060	2.976.376.298	2.705.096.060			2.976.376.298
Thuế giá trị gia tăng	7.404.935.474	23.755.929.411	13.142.108.842	9.783.986.359		8.234.769.684
Thuế thu nhập cá nhân	149.282.162	283.539.849	412.463.119			20.358.892
	68.838.215.439	147.425.740.068	134.651.527.659	9.783.986.359		71.828.441.489

11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.236.500.000	5.055.100.000
Phải trả ngắn hạn khác	853.507.636	361.328.430
	6.090.007.636	5.416.428.430

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/03/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	51.500.000.000	(44.000.000.000)	7.500.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	31/03/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	3,5%	7.500.000.000	-
			7.500.000.000	-

(a) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và không có đảm bảo.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn 03 tháng kết thúc	
	31/03/2022 VND	31/03/2021 VND
Số dư đầu kỳ	3.851.815.941	5.200.400.000
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 14)	1.076.975.436	94.810.501
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)		
Sử dụng trong kỳ		
Tăng khác		
Số dư cuối kỳ	4.928.791.377	5.296.026.442

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	51.181.055.644	271.307.312.754
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	54.393.545.889	54.393.545.889
Cổ tức	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.851.000.000)	(3.851.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	874.879.306	874.879.306
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2021	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	75.598.480.839	295.724.737.949
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.953.014.346	11.953.014.346
Cổ tức	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 13)	-	-	-	(1.076.975.436)	(1.076.975.436)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(24.106.671)	(24.106.671)
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2022	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	86.450.413.078	306.576.670.188

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/03/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	4.015.125.780	4.015.125.780
Từ hai đến năm năm	16.060.503.120	16.060.503.120
Sau năm năm	119.784.585.770	120.788.367.215
	139.860.214.670	140.863.996.115

(b) Ngoại tệ

	31/03/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9,06	204.447	130.914,55	2.978.267.053
EUR	105,47	2.818.949	105,47	2.818.949
		3.023.396		2.981.086.002

17. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn 03 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2022 VND	31/03/2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	118.790.047.618	112.977.986.728
<i>Doanh thu bán thành phẩm gồm thuế tiêu</i>	238.970.418.712	234.032.716.089
<i>thu đặc biệt</i>		
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	120.180.371.094	(121.054.729.361)
▪ Doanh thu khác	808.075.031	671.264.591
	119.598.122.649	113.649.251.319

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 03 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2022 VND	31/03/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	101.877.892.885	106.367.872.875
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(88.983.947)	(307.092.167)
▪ Giá vốn khác	56.086.180	82.953.700
	<hr/>	<hr/>
	101.844.995.118	106.143.734.408
	<hr/>	<hr/>

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 03 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2022 VND	31/03/2021 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	874.954.509	1.331.084.917
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.173.739	1.818.078
	<hr/>	<hr/>
	887.128.248	1.332.902.995
	<hr/>	<hr/>

20. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 03 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2022 VND	31/03/2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.356.582	354.518.922
Chi phí nhân viên	116,385,514	299.055.368
Chi phí công cụ, dụng cụ		56.092.345
Chi phí bán hàng khác	40.479.759	63.523.648
	<hr/>	<hr/>
	482.221.855	773.190.283
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 03 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2022 VND	31/03/2021 VND
Chi phí nhân viên	2.405.628.196	2.528.645.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	542.329.656	931.755.484
Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ	185.149.379	194.622.624
Chi phí khấu hao TSCĐ	78.936.156	90.916.251
Chi phí quản lý khác	405.150.012	497.677.494
	<hr/>	<hr/>
	3.617.193.399	4.243.617.471

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Giai đoạn 03 tháng kết thúc ngày	
	31/03/2022 VND	31/03/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.976.376.298	1.605.358.082
Chi phí thuế của các năm trước		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	17.796.789	61.418.433
	<hr/>	<hr/>
	2.994.173.087	1.666.776.515

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngày 15 tháng 04 năm 2022

Người lập

Lê Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc



Lê Việt Quý